BỘ QUỐC PHÒNG -------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------
Số: 54/2026/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2026*

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG VŨ KHÍ TRANG BỊ, SẢN PHẨM, HÀNG QUỐC PHÒNG

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14; Luật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14; Luật số 78/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 03/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Theo đề nghị của Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định kiểm tra chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định hình thức, nội dung, quy trình, kinh phí bảo đảm và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong hoạt động kiểm tra chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Kiểm tra chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành xem xét, đánh giá lại chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng trong quá trình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, khai thác, sử dụng.

2. *Cơ quan kiểm tra chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng* (sau đây gọi là cơ quan kiểm tra chất lượng) là cơ quan được Bộ Quốc phòng giao thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng.

3. *Chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng* là mức độ các đặc tính của vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng và quy định về tính năng chiến-kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. *Đánh giá sự phù hợp bao gồm:* Các hoạt động thử nghiệm, giám định chất lượng, chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy đối với vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng theo tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc quy định về tính năng chiến-kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. *Vũ khí trang bị bao gồm:* Vũ khí trang bị kỹ thuật, trang bị hậu cần, đang khai thác, sử dụng tại đơn vị.

6. *Hàng quốc phòng bao gồm:* Sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng và sản phẩm, hàng hóa lưỡng dụng phục vụ nhiệm vụ quân sự, quốc phòng đang trong quá trình mua sắm.

7. *Hàng quốc phòng xuất khẩu* là sản phẩm quốc phòng do các cơ sở sản xuất quốc phòng sản xuất phục vụ mục đích xuất khẩu.

8. *Thử nghiệm* là việc xác định một hay nhiều đặc tính của vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng theo một quy trình nhất định.

9. *Giám định chất lượng* là việc kiểm tra và xác định sự phù hợp về chất lượng của hàng quốc phòng với yêu cầu cụ thể hoặc yêu cầu chung.

10. *Tài liệu kèm theo vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng bao gồm:* Kết quả đánh giá sự phù hợp, tài liệu giới thiệu tính năng, công dụng, đặc tính, hướng dẫn sử dụng.

11. *Chuyên gia kỹ thuật* là người được đào tạo theo hướng chuyên sâu, có kinh nghiệm về thực hành và kỹ năng thực tiễn; có lý luận chuyên sâu về lĩnh vực cụ thể hoặc có kiến thức, hiểu biết vượt trội so với mặt bằng kiến thức chung.

Điều 4. Nguyên tắc và căn cứ kiểm tra chất lượng

1. Nguyên tắc kiểm tra:

a) Kiểm tra chất lượng được thực hiện trên cơ sở quy định về tính năng chiến-kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo công bố của nhà sản xuất; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; quy định về nhãn sản phẩm, hàng quốc phòng; các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Hoạt động kiểm tra chất lượng đối với vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng phải bảo đảm minh bạch, chính xác, khách quan, khoa học theo quy định của pháp luật, phù hợp với yêu cầu bảo đảm chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng trong từng thời kỳ;

c) Kiểm tra chất lượng đối với vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng được thực hiện bởi Đoàn kiểm tra.

2. Căn cứ kiểm tra:

a) Kế hoạch kiểm tra hằng năm được Tổng Tham mưu trưởng phê duyệt;

b) Theo mệnh lệnh, chỉ thị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng;

c) Báo cáo của cơ quan, đơn vị liên quan về chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng có chất lượng không ổn định, thiếu tin cậy.

Điều 5. Hành vi bị nghiêm cấm

1. Các cá nhân, cơ quan, đơn vị và tổ chức có liên quan gây áp lực với cơ quan kiểm tra chất lượng, Đoàn kiểm tra để làm thay đổi kết quả kiểm tra.

2. Cung cấp sai kết quả kiểm tra, thử nghiệm, chứng nhận chất lượng hoặc cung cấp giả mạo các tài liệu kèm theo vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng.

3. Phát tán, làm lộ, lọt thông tin, tài liệu mật về chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng.

Điều 6. Cơ quan kiểm tra chất lượng

1. Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng/Bộ Tổng Tham mưu là cơ quan kiểm tra chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan kiểm tra chất lượng:

a) Tổ chức thực hiện kiểm tra chất lượng;

b) Chỉ định cơ sở Đo lường-Chất lượng, cơ sở thử nghiệm, cơ sở kỹ thuật (sau đây gọi chung là cơ sở thử nghiệm) tham gia kiểm tra chất lượng;

c) Thông báo kết quả kiểm tra cho các cơ quan, đơn vị liên quan;

d) Tổng hợp kết quả, báo cáo Tổng Tham mưu trưởng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kết quả kiểm tra chất lượng và đề xuất các biện pháp xử lý đối với vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng không bảo đảm chất lượng.

Điều 7. Cơ sở thử nghiệm tham gia kiểm tra chất lượng

1. Cơ sở Đo lường-Chất lượng được Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng công nhận năng lực kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phù hợp Tiêu chuẩn TCVN/QS 877:2014.

2. Các cơ sở thử nghiệm trong và ngoài Quân đội được công nhận năng lực thử nghiệm phù hợp Tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017.

3. Cơ sở kỹ thuật khác do cơ quan kiểm tra chất lượng chỉ định.

Điều 8. Kiểm soát viên chất lượng

1. Yêu cầu:

a) Là sĩ quan thuộc biên chế tại Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng; được sắp xếp vào vị trí kiêm nhiệm “kiểm soát viên chất lượng”;

b) Có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành hậu cần, kỹ thuật và am hiểu về vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng được kiểm tra;

c) Có ít nhất 03 năm công tác trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, có chứng chỉ huấn luyện, bồi dưỡng về nghiệp vụ kiểm soát viên chất lượng và được Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng cấp thẻ kiểm soát viên chất lượng (Mẫu thẻ kiểm soát viên chất lượng quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Nhiệm vụ

Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, lấy mẫu; phối hợp xử lý vi phạm hành chính và các nhiệm vụ chuyên môn khác liên quan đến quản lý chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng theo quy định;

Báo cáo trung thực kết quả kiểm tra chất lượng; chịu trách nhiệm trước pháp luật và người chỉ huy về tính chính xác của kết quả kiểm tra;

Bảo mật về thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ.

b) Quyền hạn

Yêu cầu cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan cung cấp đủ thông tin, hồ sơ, tài liệu phục vụ kiểm tra chất lượng;

Từ chối sự can thiệp của bất kỳ cá nhân, cơ quan, đơn vị có thể dẫn đến sai lệch tính chính xác, trung thực trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Điều 9. Đoàn kiểm tra chất lượng

1. Thẩm quyền thành lập và thành phần:

a) Đoàn kiểm tra do Cục trưởng Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng quyết định thành lập trên cơ sở kế hoạch kiểm tra đã được Tổng Tham mưu trưởng phê duyệt hoặc trong trường hợp có mệnh lệnh, chỉ thị yêu cầu kiểm tra đột xuất;

b) Thành phần đoàn kiểm tra bao gồm: Trưởng đoàn, thư ký, kiểm soát viên chất lượng, các thành viên là đại diện cơ quan, đơn vị liên quan đến chất lượng vũ khí, trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng, chuyên gia kỹ thuật, cơ quan Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng thuộc đơn vị có đối tượng kiểm tra và cơ sở thử nghiệm được chỉ định.

2. Nguyên tắc làm việc:

Đoàn kiểm tra làm việc theo nguyên tắc đa số khi có hai phần ba thành viên trở lên tham gia và kết luận của đoàn kiểm tra có giá trị pháp lý khi có hơn một nửa thành viên đoàn kiểm tra nhất trí.

3. Nhiệm vụ của đoàn kiểm tra:

a) Xây dựng, ban hành kế hoạch theo các nội dung kiểm tra quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 2 Điều 18 và khoản 2 Điều 24 Thông tư này. Chỉ đạo cơ sở thử nghiệm xây dựng, phê duyệt quy trình thử nghiệm tính năng chiến-kỹ thuật của vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng (sau đây gọi là quy trình thử nghiệm);

b) Thực hiện kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị liên quan; chỉ đạo hoạt động của cơ sở thử nghiệm tham gia kiểm tra; kết luận về chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng;

c) Xử lý và đề xuất biện pháp xử lý với cấp có thẩm quyền quy định tại các Điều 16, 19, 22 và 25 Thông tư này;

d) Báo cáo Cục trưởng Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng kết quả kiểm tra.

Điều 10. Quy trình thực hiện kiểm tra chất lượng

1. Cục trưởng Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng thành lập đoàn kiểm tra (Mẫu quyết định thành lập đoàn kiểm tra quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Đoàn kiểm tra xây dựng, ban hành kế hoạch kiểm tra chất lượng (Mẫu kế hoạch kiểm tra chất lượng quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này); phê duyệt quy trình thử nghiệm (Mẫu quy trình thử nghiệm quy định tại Phụ lục IV, Mẫu quyết định phê duyệt quy trình thử nghiệm quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra đối với vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng theo kế hoạch và quy trình thử nghiệm.

4. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, đoàn kiểm tra đề nghị Cục trưởng Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng thông báo kết quả kiểm tra chất lượng cho các cơ quan, đơn vị liên quan (Mẫu thông báo kết quả kiểm tra chất lượng quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này).

Điều 11. Hồ sơ phục vụ kiểm tra

1. Hồ sơ sản phẩm quốc phòng:

a) Báo cáo của cơ sở sản xuất, sửa chữa quốc phòng về chất lượng sản phẩm quốc phòng và việc chấp hành các quy định về bảo đảm chất lượng trong sản xuất, sửa chữa (Mẫu báo cáo chất lượng đối với sản phẩm quốc phòng trong sản xuất, sửa chữa quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Quyết định phê duyệt kế hoạch sản xuất, sửa chữa; quyết định phê duyệt tính năng chiến-kỹ thuật của cấp có thẩm quyền;

c) Tài liệu kỹ thuật của sản phẩm quốc phòng;

d) Kết quả đánh giá sự phù hợp của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;

đ) Chứng nhận của hệ thống quản lý chất lượng (nếu có);

e) Các tài liệu khác có liên quan.

2. Hồ sơ hàng quốc phòng mua trong nước, nhập khẩu:

a) Báo cáo kết quả mua trong nước, nhập khẩu của chủ đầu tư (Mẫu báo cáo chất lượng đối với hàng quốc phòng mua trong nước, nhập khẩu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Quyết định phê duyệt kế hoạch mua trong nước, nhập khẩu; quyết định phê duyệt tính năng chiến-kỹ thuật của cấp có thẩm quyền; hợp đồng mua bán/hợp đồng đặt hàng;

c) Tài liệu kèm theo hàng quốc phòng có xuất xứ nước ngoài:

Chứng nhận xuất xứ; chứng nhận chất lượng hoặc chứng nhận phù hợp; các hồ sơ, tài liệu có giá trị pháp lý tương đương;

Giấy chứng nhận hiệu chuẩn hoặc giấy chứng nhận kiểm định đối với phương tiện đo.

d) Tài liệu kèm theo hàng quốc phòng sản xuất trong nước, đặt hàng sản xuất:

Giấy chứng nhận chất lượng/chứng nhận xuất xưởng;

Giấy chứng nhận hiệu chuẩn hoặc giấy chứng nhận kiểm định đối với phương tiện đo;

Tiêu chuẩn công bố áp dụng;

Hồ sơ thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; hồ sơ kiểm tra chất lượng vật tư, phụ tùng đầu vào phục vụ sản xuất; hồ sơ thử nghiệm, nghiệm thu của doanh nghiệp cung cấp hàng quốc phòng đối với hàng quốc phòng đặt hàng sản xuất.

đ) Kết quả đánh giá sự phù hợp của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;

e) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Hồ sơ sản phẩm quốc phòng xuất khẩu: Thực hiện tương tự như hồ sơ sản phẩm quốc phòng quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Hồ sơ vũ khí trang bị đang khai thác, sử dụng:

a) Báo cáo về chất lượng vũ khí trang bị và việc chấp hành quy định về quản lý chất lượng vũ khí trang bị đang khai thác, sử dụng tại đơn vị (Mẫu báo cáo chất lượng đối với vũ khí trang bị đang khai thác, sử dụng tại đơn vị quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Tài liệu phục vụ phân cấp chất lượng, bảo đảm kỹ thuật cho vũ khí trang bị; tài liệu khai thác, sử dụng, huấn luyện;

c) Hồ sơ phân cấp chất lượng, theo dõi sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa vũ khí trang bị;

d) Các tài liệu khác có liên quan.

5. Các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp lệ, tính pháp lý của hồ sơ kiểm tra chất lượng.

Điều 12. Quy định về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng quốc phòng

1. Sản phẩm quốc phòng; hàng quốc phòng nhập khẩu trực tiếp qua các hợp đồng mua bán hoặc uỷ thác không thực hiện truy xuất nguồn gốc.

2. Sản phẩm, hàng hóa lưỡng dụng mua trong nước thực hiện truy xuất / nguồn gốc theo quy định tại Điều 6d Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12, được bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Luật số 78/2025/QH15 và Mục 2 Chương III Nghị định số 37/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 13. Bảo mật thông tin

Cơ quan Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng các cấp và các thành viên Đoàn kiểm tra chất lượng có trách nhiệm:

1. Thực hiện đúng quy định của pháp luật, Bộ Quốc phòng về công tác bảo vệ bí mật, bảo mật thông tin.

2. Quản lý hồ sơ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

3. Không cung cấp, phát tán thông tin liên quan đến nội dung kiểm tra, chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng cho tổ chức, cá nhân không liên quan.

Chương II

KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN PHẨM QUỐC PHÒNG TRONG SẢN XUẤT, SỬA CHỮA

Điều 14. Điều kiện bảo đảm chất lượng sản phẩm quốc phòng trong sản xuất, sửa chữa

1. Áp dụng hệ thống quản lý nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm quốc phòng phù hợp tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

2. Công bố tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng theo quy định, gồm: Công bố các đặc tính cơ bản của sản phẩm quốc phòng; tiêu chuẩn áp dụng trên tài liệu kèm theo sản phẩm quốc phòng và ghi nhãn theo quy định. Nội dung của tiêu chuẩn công bố áp dụng không được trái với quy chuẩn kỹ thuật hoặc yêu cầu kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng liên quan đến quá trình sản xuất, sửa chữa; chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy theo quy định.

4. Đối với sản phẩm quốc phòng chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt yêu cầu kỹ thuật, tính năng chiến-kỹ thuật; tài liệu thiết kế theo quy định.

Điều 15. Trường hợp, nội dung và quy trình kiểm tra

1. Trường hợp kiểm tra:

a) Định kỳ: Theo Kế hoạch kiểm tra hằng năm;

b) Đột xuất:

Theo chỉ thị, mệnh lệnh của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng;

Sản phẩm quốc phòng có dấu hiệu không bảo đảm chất lượng trong quá trình xuất khẩu, khai thác, sử dụng.

2. Nội dung kiểm tra:

a) Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu quy định liên quan đến điều kiện bảo đảm chất lượng trong sản xuất, sửa chữa; việc áp dụng các yêu cầu quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; yêu cầu kỹ thuật, tính năng chiến-kỹ thuật; tài liệu thiết kế liên quan đến quá trình sản xuất, sửa chữa;

b) Kiểm tra việc áp dụng các biện pháp quản lý chất lượng đối với sản phẩm quốc phòng sản xuất, sửa chữa;

c) Kiểm tra kết quả đánh giá sự phù hợp và các tài liệu kèm theo sản phẩm quốc phòng sản xuất, sửa chữa;

d) Lấy mẫu, thử nghiệm mẫu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc các quy định khác của cấp có thẩm quyền ban hành trong trường hợp kiểm tra theo các điểm a, b, c khoản này không đạt yêu cầu;

đ) Kết luận về chất lượng sản phẩm quốc phòng được kiểm tra và kiến nghị (nếu có).

3. Quy trình kiểm tra:

a) Công bố Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra;

b) Kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Lập Biên bản kiểm tra và kết luận về chất lượng sản phẩm quốc phòng sản xuất, sửa chữa;

d) Xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 16 Thông tư này.

Điều 16. Xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng đối với sản phẩm quốc phòng

1. Trong quá trình kiểm tra sản phẩm quốc phòng khi phát hiện cơ sở sản xuất, sửa chữa quốc phòng không thực hiện đúng các yêu cầu về tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, quy định về tính năng chiến-kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các điều kiện bảo đảm chất lượng liên quan đến quá trình sản xuất, sửa chữa thì việc xử lý được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Đoàn kiểm tra yêu cầu cơ sở sản xuất, sửa chữa quốc phòng thực hiện các biện pháp khắc phục để bảo đảm chất lượng sản phẩm quốc phòng. Trước khi đưa sản phẩm quốc phòng đã khắc phục vào sử dụng, cơ sở sản xuất, sửa chữa quốc phòng phải thông báo bằng văn bản cho Đoàn kiểm tra;

b) Sau khi có yêu cầu của Đoàn kiểm tra mà cơ sở sản xuất, sửa chữa quốc phòng vẫn tiếp tục vi phạm thì trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận về vi phạm của cơ sở sản xuất, sửa chữa quốc phòng; cơ quan kiểm tra chất lượng báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm quốc phòng mà kết quả thử nghiệm khẳng định sản phẩm không phù hợp tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng liên quan đến sự an toàn của người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường thì Đoàn kiểm tra được phép đình chỉ tạm thời việc sản xuất, sửa chữa; niêm phong sản phẩm quốc phòng không phù hợp và kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương III

KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI HÀNG QUỐC PHÒNG MUA TRONG NƯỚC, NHẬP KHẨU

Điều 17. Điều kiện bảo đảm chất lượng hàng quốc phòng mua trong nước, nhập khẩu

1. Hàng quốc phòng mua trong nước, nhập khẩu phải đáp ứng yêu cầu của hợp đồng, tính năng chiến-kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, tài liệu kỹ thuật.

2. Đối với hàng quốc phòng do Quân đội đặt hàng sản xuất trong nước nếu chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng thì phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt yêu cầu kỹ thuật, tính năng chiến-kỹ thuật; tài liệu thiết kế.

3. Hàng quốc phòng mua trong nước, nhập khẩu phải được giám định chất lượng theo quy định phục vụ công tác quản lý nhà nước trước khi tổ chức nghiệm thu, đưa vào sử dụng.

Điều 18. Trường hợp, nội dung và quy trình kiểm tra

1. Trường hợp kiểm tra:

a) Định kỳ: Theo Kế hoạch kiểm tra hằng năm;

b) Đột xuất:

Theo chỉ thị, mệnh lệnh của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng;

Có khiếu nại về chất lượng đối với hàng quốc phòng mua trong nước, nhập khẩu;

Hàng quốc phòng có dấu hiệu không bảo đảm chất lượng trong quá trình khai thác, sử dụng.

2. Nội dung kiểm tra:

a) Đối với hàng quốc phòng mua trong nước, nhập khẩu:

Kiểm tra tài liệu, hồ sơ mua trong nước, nhập khẩu hàng quốc phòng;

Kiểm tra kết quả đánh giá sự phù hợp của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;

Lấy mẫu, thử nghiệm mẫu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc các quy định khác của cấp có thẩm quyền ban hành trong trường hợp kiểm tra hai nội dung trên không đạt yêu cầu;

Kết luận về chất lượng hàng quốc phòng mua trong nước, nhập khẩu được kiểm tra và kiến nghị (nếu có).

b) Đối với hàng quốc phòng đặt hàng sản xuất:

Kiểm tra các điều kiện bảo đảm chất lượng trong sản xuất;

Kiểm tra kết quả đánh giá sự phù hợp, nhãn hàng quốc phòng và hồ sơ, tài liệu kèm theo đối với hàng quốc phòng;

Lấy mẫu, thử nghiệm mẫu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc các quy định khác của cấp có thẩm quyền ban hành trong trường hợp kiểm tra hai nội dung trên không đạt yêu cầu;

Kết luận về chất lượng hàng quốc phòng đặt hàng sản xuất được kiểm tra và kiến nghị (nếu có).

3. Quy trình kiểm tra:

a) Công bố Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra;

b) Kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Lập biên bản kiểm tra và kết luận về chất lượng hàng quốc phòng;

d) Xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 19 Thông tư này.

Điều 19. Xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng hàng quốc phòng mua trong nước, nhập khẩu

1. Hàng quốc phòng đạt yêu cầu về chất lượng nhưng không đáp ứng yêu cầu về nhãn hàng hóa; hồ sơ mua trong nước, nhập khẩu theo quy định của Bộ Quốc phòng về hoạt động giám định chất lượng hàng quốc phòng thì Đoàn kiểm tra yêu cầu đơn vị chủ hàng khắc phục.

2. Trong trường hợp kết quả thử nghiệm tính năng chiến-kỹ thuật không đạt yêu cầu, Đoàn kiểm tra báo cáo và đề xuất biện pháp xử lý với cấp có thẩm quyền; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm yêu cầu về quản lý chất lượng, cấp có thẩm quyền quyết định buộc tái xuất; trả lại cơ sở sản xuất, doanh nghiệp cung cấp hàng quốc phòng; yêu cầu tiêu hủy và đề nghị xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật.

Chương IV

KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI HÀNG QUỐC PHÒNG XUẤT KHẨU

Điều 20. Điều kiện bảo đảm chất lượng hàng quốc phòng xuất khẩu

1. Hàng quốc phòng xuất khẩu phải phù hợp với các quy định của nước nhập khẩu, với hợp đồng, bên đặt hàng hoặc điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp với nước, vùng lãnh thổ có liên quan.

2. Áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng trong quá trình sản xuất hoặc áp dụng các hệ thống quản lý nhằm bảo đảm chất lượng hàng quốc phòng xuất khẩu.

Điều 21. Kiểm tra chất lượng hàng quốc phòng xuất khẩu

1. Hàng quốc phòng xuất khẩu đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 20 Thông tư này được miễn kiểm tra của cơ quan kiểm tra chất lượng.

2. Trường hợp hàng quốc phòng xuất khẩu không bảo đảm chất lượng gây ảnh hưởng đến lợi ích và uy tín của Quân đội, của quốc gia; cơ quan kiểm tra chất lượng tổ chức kiểm tra sản phẩm quốc phòng xuất khẩu quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 15 Thông tư này.

Điều 22. Xử lý hàng quốc phòng xuất khẩu không bảo đảm điều kiện xuất khẩu

1. Báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng nếu chất lượng hàng quốc phòng phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng của Quân đội.

2. Yêu cầu đơn vị chủ hàng xuất khẩu khắc phục, sửa chữa để hàng quốc phòng được tiếp tục xuất khẩu hoặc được sử dụng trong Quân đội sau khi đã đáp ứng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

3. Kiến nghị với cấp có thẩm quyền ra quyết định tiêu hủy.

Chương V

KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI VŨ KHÍ TRANG BỊ ĐANG KHAI THÁC, SỬ DỤNG

Điều 23. Điều kiện bảo đảm chất lượng vũ khí trang bị đang khai thác, sử dụng

1. Vũ khí trang bị phải được quản lý; khai thác, sử dụng theo đúng quy định, hướng dẫn của chuyên ngành hậu cần, kỹ thuật đối với từng loại vũ khí trang bị.

2. Vũ khí trang bị phải được định kỳ kiểm tra, phân cấp chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc quy định, hướng dẫn khác do cấp có thẩm quyền ban hành.

Điều 24. Trường hợp, nội dung và quy trình kiểm tra

1. Trường hợp kiểm tra:

a) Định kỳ: Theo Kế hoạch kiểm tra hằng năm;

b) Đột xuất:

Theo chỉ thị, mệnh lệnh của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng;

Vũ khí trang bị có dấu hiệu không bảo đảm chất lượng trong quá trình khai thác, sử dụng.

2. Nội dung kiểm tra:

a) Kiểm tra việc chấp hành các quy định trong quản lý; khai thác, sử dụng; việc áp dụng các biện pháp nhằm bảo đảm, duy trì chất lượng vũ khí trang bị phù hợp với yêu cầu kỹ thuật theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc quy định khác của cấp có thẩm quyền đối với từng loại vũ khí trang bị;

b) Lấy mẫu, thử nghiệm mẫu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc các quy định khác của cấp có thẩm quyền ban hành

c) Kết luận về chất lượng vũ khí trang bị được kiểm tra và kiến nghị (nếu có).

3. Quy trình kiểm tra:

a) Công bố Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra;

b) Kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Lập Biên bản kiểm tra và kết luận về chất lượng vũ khí trang bị;

d) Xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 25 Thông tư này.

Điều 25. Xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng vũ khí trang bị đang khai thác, sử dụng

1. Trong quá trình kiểm tra khi phát hiện đơn vị không chấp hành và áp dụng các điều kiện bảo đảm chất lượng quy định tại Điều 23 Thông tư này thì Đoàn kiểm tra dừng ngay việc kiểm tra trong trường hợp có nguy cơ gây mất an toàn cho người, vũ khí trang bị; lập biên bản hoặc niêm phong vũ khí trang bị; yêu cầu chỉ huy đơn vị không tiếp tục khai thác, sử dụng và báo cáo với cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định. Việc kiểm tra chỉ được tiếp tục sau khi đơn vị đã khắc phục triệt để nguy cơ mất an toàn và được Tổng Tham mưu trưởng chấp thuận.

2. Vũ khí trang bị qua kiểm tra không đáp ứng yêu cầu về chất lượng, tùy theo mức độ, tính chất của vũ khí trang bị, Đoàn kiểm tra áp dụng các biện pháp sau:

a) Yêu cầu chỉ huy đơn vị thực hiện các biện pháp khắc phục để bảo đảm, duy trì chất lượng vũ khí trang bị theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc quy định khác của cấp có thẩm quyền;

b) Sau khi có yêu cầu khắc phục mà đơn vị vẫn tiếp tục vi phạm thì báo cáo Cục trưởng Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng trình cấp có thẩm quyền dừng việc khai thác, sử dụng để xử lý theo quy định.

Chương VI

KINH PHÍ BẢO ĐẢM

Điều 26. Nguồn kinh phí bảo đảm

1. Nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên cho quốc phòng hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

2. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Nội dung bảo đảm

1. Nghiên cứu, xây dựng quy trình thử nghiệm.

2. Nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, vật tư; mua sắm, thuê khoán công cụ, dụng cụ, thiết bị phục vụ thử nghiệm tính năng chiến-kỹ thuật.

3. Nghiệp vụ hoạt động kiểm tra chất lượng: Họp khai mạc, kết luận; hội thảo về kết quả kiểm tra chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng; văn phòng phẩm và các nội dung khác có liên quan.

Chương VII

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 28. Bộ Tổng Tham mưu

1. Giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quản lý nhà nước về chất lượng đối với vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng; định kỳ hằng năm báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng trong toàn quân.

2. Chỉ đạo Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng:

a) Tham mưu với Tổng Tham mưu trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng đối với vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng theo đúng quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch kiểm tra chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng hằng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Ra quyết định thành lập đoàn kiểm tra chất lượng; tổ chức thực hiện việc kiểm tra chất lượng.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ cho các cơ quan, đơn vị được kiểm tra chất lượng.

đ) Quản lý và duy trì năng lực các cơ sở Đo lường-Chất lượng phục vụ nhiệm vụ kiểm tra chất lượng.

e) Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý, kiểm tra chất lượng.

g) Thông báo bằng văn bản và thu hồi thẻ kiểm soát viên chất lượng trong trường hợp kiểm soát viên chất lượng chuyển công tác hoặc không hoàn thành nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

h) Lập dự toán kinh phí nghiệp vụ cho hoạt động kiểm tra chất lượng đối với vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng theo quy định tại Điều 26 Thông tư này;

i) Hằng năm tổng hợp kết quả công tác quản lý chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng, trình Tổng Tham mưu trưởng báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

3. Chỉ đạo Cục Quân lực: Đề xuất đối tượng kiểm tra; phối hợp, tham gia kiểm tra chất lượng đối với vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng.

Điều 29. Các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng

1. Chấp hành nghiêm các quy định về quản lý chất lượng đối với vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng theo đúng quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

2. Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng được giao sản xuất, sửa chữa; mua trong nước, nhập khẩu; xuất khẩu và khai thác, sử dụng.

3. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền thực hiện đánh giá sự phù hợp đối với vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng.

4. Xây dựng và duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm quốc phòng sản xuất, sửa chữa phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Tuân thủ các điều kiện bảo đảm chất lượng đối với vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng.

5. Phối hợp với cơ quan chức năng thực hiện kiểm tra chất lượng đối với vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng.

6. Hằng năm tổng hợp, báo cáo Tổng Tham mưu trưởng (qua Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng) về kết quả công tác quản lý chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng theo quy định.

Điều 30. Cục Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng bảo đảm ngân sách cho hoạt động kiểm tra chất lượng hằng năm; chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị đề xuất ngân sách phục vụ kiểm tra chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng.

Điều 31. Các cơ quan, đơn vị sản xuất, mua trong nước, nhập khẩu, xuất khẩu và khai thác, sử dụng

1. Chấp hành nghiêm các quy định về bảo đảm chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

2. Áp dụng các biện pháp để kiểm soát, quản lý chất lượng đối với vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng.

3. Chấp hành việc kiểm tra chất lượng đối với vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng.

4. Cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu; thông tin chính xác về chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng cho cơ quan kiểm tra chất lượng.

Điều 32. Cơ quan quản lý trực tiếp đầu mối ngành Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng

1. Tham mưu, đề xuất các quy định, giải pháp quản lý chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình thực tế của đơn vị.

2. Hướng dẫn và chỉ đạo các đơn vị thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, tài liệu có liên quan phục vụ quản lý chất lượng đối với vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng.

3. Phối hợp xác định chủng loại vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng kiểm tra hằng năm.

4. Chỉ đạo cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp, chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và tham gia kiểm tra chất lượng đối với vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng.

5. Hằng năm giúp người chỉ huy tổng hợp, báo cáo kết quả công tác quản lý chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng theo quy định.

6. Chỉ đạo Cơ quan đầu mối ngành Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng: Tham mưu, hướng dẫn, triển khai thực hiện việc duy trì các điều kiện bảo đảm chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng theo quy định.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2026.

2. Thông tư số 153/2019/TT-BQP ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định kiểm tra nhà nước về chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp văn bản viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 34. Quy định chuyển tiếp

Các kế hoạch kiểm tra chất lượng đối với vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng đã ban hành trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì việc triển khai kiểm tra chất lượng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 153/2019/TT-BQP ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định kiểm tra nhà nước về chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng.

Điều 35. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng Tham mưu trưởng, chỉ huy các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Bộ Tổng Tham mưu (qua Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng) để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Nguyễn Văn Hiền

Nơi nhận:
- Bộ trưởng BQP (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Các T^2 BQP, Chủ nhiệm TCCT;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- Cục TC-ĐL-CL/BTTM;
- Cục Pháp chế/BQP;
- Ban Cơ yếu Chính phủ;
- Cổng TTĐT BQP (để đăng tải);
- Lưu: VT, THBĐ.

PHỤ LỤC I

MẪU THẺ KIỂM SOÁT VIÊN CHẤT LƯỢNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BQP ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

1. Thẻ kiểm soát viên chất lượng bằng nhựa, in màu hai mặt có kích thước (54 x 86) mm.

2. Nội dung thẻ kiểm soát viên chất lượng

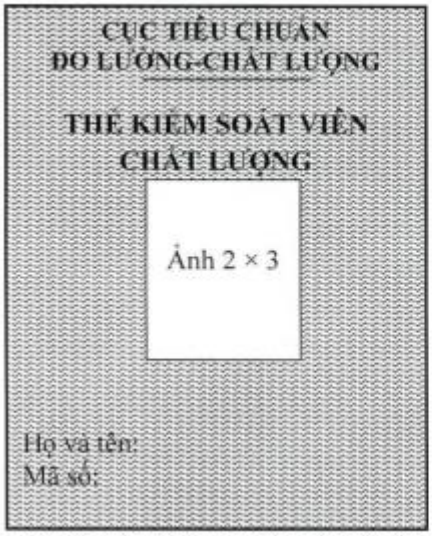
a) Mặt trước: Ảnh của kiểm soát viên chất lượng và chữ in màu xanh lá cây.

b) Mặt sau: Quy định sử dụng và mã vạch 2 chiều theo chuẩn QR chứa thông tin về kiểm soát viên. Chữ in và mã QR có màu đen.

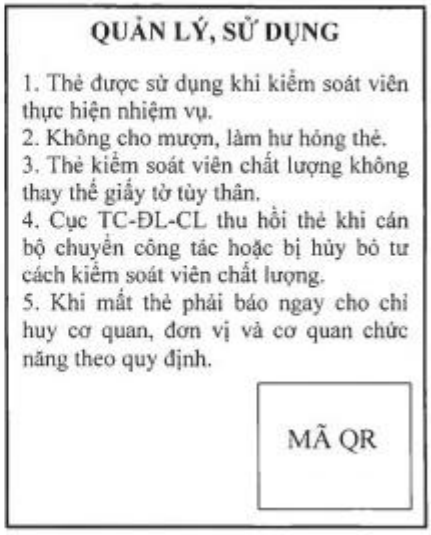
c) Hình nền: Là nền sóng sin cách điệu.

d) Thông tin trong mã vạch 2 chiều gồm: Họ tên, đơn vị, mã số, số, ngày tháng năm ban hành quyết định chứng nhận kiểm soát viên chất lượng.

Mặt trước thẻ
kiểm soát viên chất lượng



Mặt sau thẻ
kiểm soát viên chất lượng



PHỤ LỤC II

MẪU QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP ĐOÀN KIỂM TRA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BQP ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

BỘ TỔNG THAM MƯU **CỤC TIÊU CHUẨN** **ĐO LƯỜNG-CHẤT LƯỢNG** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: …./….	*Hà Nội, ngày tháng năm*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Đoàn kiểm tra chất lượng (1) tại (2)

CỤC TRƯỞNG CỤC TIÊU CHUẨN-ĐO LƯỜNG-CHẤT LƯỢNG

Căn cứ pháp lý;

Theo đề nghị của ....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn kiểm tra chất lượng ....

(Danh sách đoàn kiểm tra)

Điều 2. Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng mời đại diện cơ quan, đơn vị sau tham gia Đoàn kiểm tra:

Điều 3. Sử dụng năng lực cơ sở thử nghiệm:

Điều 4. Nhiệm vụ của Đoàn kiểm tra:

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Cơ sở thử nghiệm:

2. Đơn vị được kiểm tra:

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi Đoàn kiểm tra hoàn thành nhiệm vụ. Đoàn kiểm tra được sử dụng con dấu của cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Trưởng đoàn kiểm tra, chỉ huy các cơ quan, đơn vị liên quan và các thành viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:

(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)

-
-

Cấp bậc, họ và tên

(1) Tên chủng loại vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng.

(2) Tên đơn vị quản lý vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng.

PHỤ LỤC III

MẪU KẾ HOẠCH KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BQP ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG-CHẤT LƯỢNG **ĐOÀN KIỂM TRA** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: …./….	*Hà Nội, ngày tháng năm*

KẾ HOẠCH

Kiểm tra chất lượng (1) tại (2)

Căn cứ pháp lý

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

2. Yêu cầu:

II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

1. Đối tượng kiểm tra:

2. Nội dung kiểm tra:

3. Phương pháp kiểm tra:

III. THÀNH PHẦN

1. Đoàn kiểm tra:

2. Đại diện cơ quan, đơn vị có liên quan:

3. Đại diện đơn vị được kiểm tra:

IV. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM

1. Thời gian:

2. Địa điểm:

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ của Đoàn kiểm tra:

2. Trách nhiệm các cơ quan, đơn vị:

a) Cơ sở thử nghiệm:

b) Đơn vị được kiểm tra:

VI. CÔNG TÁC BẢO ĐẢM

Nơi nhận: - -	**TM. ĐOÀN KIỂM TRA** **TRƯỞNG ĐOÀN** *(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)* **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** **Cấp bậc, họ và tên**

(1) Tên chủng loại vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng.

(2) Tên đơn vị quản lý vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng.

PHỤ LỤC IV

MẪU QUY TRÌNH THỬ NGHIỆM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BQP ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ BAN HÀNH VĂN BẢN** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: …./….	*Địa danh, ngày tháng năm*

QUY TRÌNH

Thử nghiệm tính năng chiến - kỹ thuật cơ bản của (1) tại (2)

Năm...

(1) Tên chủng loại vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng.

(2) Tên đơn vị quản lý vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng.

I. PHẠM VI ÁP DỤNG

Quy trình này dùng để kiểm tra chất lượng đối với ...

…

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Thông tư số .../2026/TT-BQP ngày .../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định kiểm tra chất lượng vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng;

2. Quyết định số ... về việc thành lập đoàn kiểm tra...

3. Kế hoạch số .../KH-TĐC ngày ...

….

III. CƠ SỞ THỬ NGHIỆM

IV. THÀNH PHẦN THAM GIA

1. Đoàn kiểm tra:

2. Đại diện cơ quan, đơn vị có liên quan:

3. Đại diện đơn vị được kiểm tra:

…

V. QUY ĐỊNH CHUNG

…

VI. DANH MỤC CÁC TRANG BỊ SỬ DỤNG KIỂM TRA, THỬ NGHIỆM

…

VII. NỘI DUNG THỬ NGHIỆM

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Chỉ tiêu kỹ thuật	Phương pháp	Ghi chú

VIII. XỬ LÝ KẾT QUẢ

…

Nơi nhận:
-
-

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)
Cấp bậc, họ và tên

PHỤ LỤC V

MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT QUY TRÌNH THỬ NGHIỆM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BQP ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG-CHẤT LƯỢNG
ĐOÀN KIỂM TRA

Số: …./….

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy trình thử nghiệm tính năng chiến-kỹ thuật cơ bản của (1) tại (2)

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA

Căn cứ pháp lý;

Căn cứ Quyết định số ...

Căn cứ Kế hoạch số...

Theo đề nghị của...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy trình số …/… ngày …./…./….. của (3) về việc (4).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Đoàn kiểm tra, chỉ huy các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
-
-

TM. ĐOÀN KIỂM TRA
TRƯỞNG ĐOÀN

(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
Cấp bậc, họ và tên

(1) Tên chủng loại vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng; (2) Tên đơn vị quản lý vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng, (3) Tên đơn vị xây dựng quy trình thử nghiệm; (4) Tên quy trình

PHỤ LỤC VI

MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BQP ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

BỘ TỔNG THAM MƯU **CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG-CHẤT LƯỢNG** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: …./….	*Hà Nội, ngày tháng năm*

THÔNG BÁO

Kết quả kiểm tra chất lượng (1) tại (2)

Căn cứ pháp lý

Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng thông báo kết quả kiểm tra chất lượng (1) tại (2) như sau:

I. THÀNH PHẦN

1. Đoàn kiểm tra:

2. Đại diện cơ quan, đơn vị có liên quan:

3. Đại diện đơn vị được kiểm tra:

…

II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

1. Đối tượng kiểm tra:

2. Nội dung kiểm tra:

3. Phương pháp kiểm tra

III. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM

1. Thời gian:

2. Địa điểm:

IV. KẾT QUẢ KIỂM TRA

V. KẾT LUẬN

VI. KIẾN NGHỊ

Nơi nhận: - -	**CỤC TRƯỞNG** *(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)* **Cấp bậc, họ và tên**

(1) Tên chủng loại vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng; (2) Tên đơn vị quản lý vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng.

PHỤ LỤC VII

MẪU BÁO CÁO CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN PHẨM QUỐC PHÒNG TRONG SẢN XUẤT, SỬA CHỮA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BQP ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ BAN HÀNH VĂN BẢN** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: …./….	*Địa danh, ngày tháng năm*

BÁO CÁO

Chất lượng sản phẩm quốc phòng và việc chấp hành quy định về bảo đảm chất lượng tại (1) năm...

Kính gửi: Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng/BTTM.

1. Đơn vị : ……

2. Địa chỉ: ……

3. Số điện thoại liên hệ: ……

4. Nội dung báo cáo:

- Việc phổ biến, quán triệt và áp dụng các quy định trong công tác quản lý chất lượng sản phẩm quốc phòng sản xuất, sửa chữa;

- Các kế hoạch sản xuất, sửa chữa; quyết định phê duyệt tính năng chiến-kỹ thuật, tài liệu kỹ thuật của sản phẩm quốc phòng sản xuất, sửa chữa...

(Danh mục tài liệu, văn bản theo Phụ lục I);

- Số lượng, chủng loại, đồng bộ, chất lượng sản phẩm quốc phòng sản xuất, sửa chữa năm...

(Thống kê sản phẩm quốc phòng sản xuất, sửa chữa và các trang bị công nghệ, trang bị Đo lường-Thử nghiệm theo Phụ lục II);

- Việc duy trì các điều kiện bảo đảm chất lượng tại đơn vị theo quy định; kết quả đánh giá sự phù hợp của cấp có thẩm quyền.

5. Đánh giá chung:

6. Kiến nghị của đơn vị.

Nơi nhận:
-
-

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)

Cấp bậc, họ và tên

(1) Tên đơn vị

Phụ lục I

THỐNG KÊ HỒ SƠ TÀI LIỆU

(Kèm theo Báo cáo số ngày tháng năm của)

TT	Tên văn bản/tài liệu	Ngày tháng năm ban hành	Cấp ban hành	Đơn vị quản lý
1	Các quy định, hướng dẫn của các cấp về công tác quản lý chất lượng; kế hoạch sản xuất, sửa chữa của đơn vị.			
-	…			
2	Các quyết định phê duyệt kế hoạch, quyết định phê duyệt tính năng chiến-kỹ thuật; tài liệu kỹ thuật.			
-	…			
3	Tài liệu dùng cho bảo đảm chất lượng sản phẩm quốc phòng sản xuất, sửa chữa và các tài liệu khác.			
-	…			

Phụ lục II

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM QUỐC PHÒNG VÀ CÁC TRANG BỊ CÔNG NGHỆ, TRANG BỊ ĐO LƯỜNG - THỬ NGHIỆM

(Kèm theo Báo cáo số ngày tháng năm của)

1. Sản phẩm quốc phòng sản xuất, sửa chữa

TT	Tên sản phẩm quốc phòng	Đơn vị tính	Số lượng	Cấp chất lượng	Thời gian sản xuất, sửa chữa	Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng	Tài liệu phân cấp chất lượng

2. Trang bị công nghệ

TT	Tên trang bị công nghệ	Ký hiệu	Năm sản xuất	Cấp chất lượng/tình trạng kỹ thuật	Sử dụng cho đối tượng/ lĩnh vực	Tài liệu phân cấp chất lượng

3. Trang bị Đo lường-Thử nghiệm

TT	Tên trang bị ĐL-TN	Ký hiệu	Năm sản xuất	Cấp chất lượng	Kiểm định/hiệu chuẩn/kiểm tra kỹ thuật đo lường lần cuối	
					Thời gian	Nơi thực hiện

PHỤ LỤC VIII

MẪU BÁO CÁO CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI HÀNG QUỐC PHÒNG MUA TRONG NƯỚC, NHẬP KHẨU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BQP ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ BAN HÀNH VĂN BẢN

Số: …./….

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Chất lượng hàng quốc phòng thuộc (1) mua trong nước, nhập khẩu

Kính gửi: Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng/BTTM.

1. Đơn vị : ……

2. Địa chỉ: ……

3. Số điện thoại liên hệ: ……

4. Nội dung báo cáo:

- Việc phổ biến, thực hiện các quyết định mua sắm, phê duyệt tính năng chiến kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, tài liệu kỹ thuật...

(Danh mục tài liệu, văn bản theo Phụ lục I);

- Chủng loại; ký mã hiệu; số lượng; đồng bộ; hãng sản xuất; nguồn gốc xuất xứ; năm sản xuất; năm sử dụng.

- Kết quả đánh giá sự phù hợp, nghiệm thu.

(Thống kê hồ sơ tài liệu theo Phụ lục I, danh mục hàng quốc phòng mua trong nước, nhập khẩu theo Phụ lục II).

5. Đánh giá chung

6. Kiến nghị của đơn vị./.

Nơi nhận:
-
-

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)

Cấp bậc, họ và tên

(1) Hợp đồng số....ngày...tháng... năm

Phụ lục I

THỐNG KÊ HỒ SƠ TÀI LIỆU

(Kèm theo Báo cáo số ngày tháng năm của)

TT	Tên văn bản/tài liệu	Ngày ban hành	Đơn vị quản lý
1	Các văn bản pháp lý phục vụ mua trong nước, nhập khẩu		
2	Quyết định phê duyệt tính năng chiến kỹ thuật		
...	....		

Phụ lục II

THỐNG KÊ HÀNG QUỐC PHÒNG MUA TRONG NƯỚC, NHẬP KHẨU

(Kèm theo Báo cáo số ngày tháng năm của)

TT	Chủng loại; ký mã hiệu; hãng sản xuất; năm sản xuất	ĐVT	Số lượng	Kết quả đánh giá sự phù hợp, nghiệm thu

PHỤ LỤC IX

MẪU BÁO CÁO CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI VKTB ĐANG KHAI THÁC, SỬ DỤNG TẠI ĐƠN VỊ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BQP ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ BAN HÀNH VĂN BẢN

Số: …./….

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Chất lượng vũ khí trang bị và việc chấp hành quy định về quản lý chất lượng vũ khí trang bị đang khai thác, sử dụng tại đơn vị

Kính gửi: Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng/BTTM.

1. Đơn vị : ……

2. Địa chỉ: ……

3. Số điện thoại liên hệ: ……

4. Nội dung báo cáo:

- Công tác phổ biến, quán triệt các quy định trong quản lý; khai thác, sử dụng vũ khí trang bị;

- Việc áp dụng các biện pháp nhằm bảo đảm, duy trì chất lượng vũ khí trang bị phù hợp với yêu cầu kỹ thuật theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc quy định khác của cấp có thẩm quyền đối với từng loại vũ khí trang bị.

(Danh mục tài liệu, văn bản theo Phụ lục I);

- Số lượng, chủng loại, đồng bộ, cấp chất lượng và hiệu quả sử dụng vũ khí trang bị đang khai thác, sử dụng tại đơn vị.

(Thống kê VKTB đang khai thác, sử dụng và các trang bị bảo đảm kỹ thuật, trang bị Đo lường-Thử nghiệm theo Phụ lục II);

5. Đánh giá chung

6. Kiến nghị của đơn vị./.

Nơi nhận:
-
-

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)

Cấp bậc, họ và tên

Phụ lục I

THỐNG KÊ HỒ SƠ TÀI LIỆU

(Kèm theo Báo cáo số ngày tháng năm của)

TT	Tên văn bản/tài liệu	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đơn vị quản lý
1	Các quy định trong quản lý; khai thác, sử dụng vũ khí trang bị.			
-	…			
2	Các văn bản về quản lý chất lượng vũ khí trang bị do đơn vị ban hành.			
-	…			
3	Tài liệu dùng cho bảo đảm chất lượng vũ khí trang bị (tiêu chuẩn áp dụng, các tài liệu khai thác sử dụng, huấn luyện và các tài liệu khác).			
-	...			

Phụ lục II

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG VŨ KHÍ TRANG BỊ VÀ CÁC TRANG BỊ BĐKT, TRANG BỊ ĐO LƯỜNG-THỬ NGHIỆM

(Kèm theo Báo cáo số ngày tháng năm của)

1. VKTB đang khai thác sử dụng tại đơn vị

TT	Tên VKTB	Đơn vị tính	Số lượng	Cấp chất lượng	Tình trạng đồng bộ	Tài liệu phân cấp chất lượng

2. Trang bị bảo đảm kỹ thuật

TT	Tên trang bị	Ký hiệu	Năm sản xuất	Cấp chất lượng/tình trạng kỹ thuật	Sử dụng cho đối tượng/ lĩnh vực	Tài liệu phân cấp chất lượng

3. Trang bị Đo lường-Thử nghiệm

TT	Tên trang bị ĐL-TN	Ký hiệu	Năm sản xuất	Cấp chất lượng	Kiểm định/hiệu chuẩn/kiểm tra kỹ thuật đo lường lần cuối	
					Thời gian	Nơi thực hiện